TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **696**/2019/QĐST-HNGĐ *B, ngày 03 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 5, Điều 6, Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 873/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/4/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông **Nguyễn Duy K**, sinh năm 1972

Địa chỉ: 27, khu phố 8, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bà **Lê Thị Hồng T**, sinh năm 1972

Địa chỉ: 27, khu phố 8, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy K và bà Lê Thị Hồng T tự nguyện kết hôn với nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02 ngày 10/01/1998 nên căn cứ Điều 5, Điều 6, Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay ông Nguyễn Duy K và bà Lê Thị Hồng T xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Nguyễn Duy K và bà Lê Thị Hồng T có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Anh H, sinh ngày 14/4/1999 và cháu Nguyễn Lê Phương N, sinh ngày 06/9/2004. Khi ly hôn, cháu Thi đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông K và bà T thỏa thuận giao cháu Nguyễn Lê Phương N, sinh ngày 06/9/2004 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Duy K và bà Lê Thị Hồng T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm cấn trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0004820 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy K và bà Lê Thị Hồng T đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Khi ly hôn, cháu Nguyễn Lê Anh H, sinh ngày 14/4/1999 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết. Ông K và bà T thỏa thuận giao cháu Nguyễn Lê Phương N, sinh ngày 06/9/2004 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông Nguyễn Duy K và bà Lê Thị Hồng T không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Duy K và bà Lê Thị Hồng T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm cấn trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0004820 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND TP.B;
- Chi cục THADS TP.B;
- UBND phường N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

Loan Trần Hải Yến